

A study on the repetition in the works *Thuong nho muoi hai* by Vu Bang

Nguyen Thi Huyen^{1,*}, Thai Thi Hanh²

¹ *Faculty of Social Sciences and Humanities, Quy Nhon University, Vietnam*

² *Student of Quy Nhon University, Vietnam*

Received: 06/09/2020; Accepted: 07/10/2020

ABSTRACT

The literary works *Thuong nho muoi hai* by Vu Bang is a valuable literary work in Vietnam. Along with the other art value, repetition contributes greatly to the success of the work. In this work, repetition is often used with multiple levels of language, in all chapters, and part. The results show that the repetition of syntax structure has the highest frequency (180 times) with the rate of 42.45%; The repeated words has the rate of 174 times, (41.04%); followed by the repeated phrase with frequency 64 times (15.1%). The repeated first consonant and the repeated rhyme has a very small proportion with the frequency of 2 and 4 times, at the rate of 0.47% and 0.94% respectively. Vu Bang has many repetitions in syntax structures such as intactly repeated, not intactly repeated (repeated subject, repeated predicates, repeated adverbs, repeated theme, repeated matter, repeated qualitative, repeated complementary); type of repetition with the same subject, or repetition with the different subject. The repetition contributes to the successful expression of the natural landscape, material and spiritual cultural values of Northern of Vietnam, and also expresses the author's love and nostalgia for his homeland.

Keywords: *Repetition, Vu Bang, Vietnam, literary, Thuong nho muoi hai.*

**Corresponding author:*

Email: nguyenhuyen@qnu.edu.vn

Tìm hiểu phép điệp trong tác phẩm *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng

Nguyễn Thị Huyền^{1,*}, Thái Thị Hạnh²

¹Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

²Sinh viên trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 06/09/2020; Ngày nhận đăng: 07/10/2020

TÓM TẮT

Tác phẩm *Thương nhớ mười hai* của nhà văn Vũ Bằng là một tùy bút có giá trị của văn học Việt Nam. Cùng với các giá trị nghệ thuật khác, phép điệp đã góp phần quan trọng cho sự thành công của tác phẩm. Trong tác phẩm này, phép điệp được sử dụng thường xuyên ở nhiều cấp độ ngôn ngữ, ở tất cả các chương, các phần. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Phép điệp cú pháp có tần suất lớn nhất, 180 lần, tỷ lệ 42,45%; phép điệp từ có tần suất 174 lần, tỷ lệ 41,04; phép điệp ngữ 64 lần, tỷ lệ 15,1%; phép điệp phụ âm đầu và phép điệp vần có tỷ lệ rất nhỏ với tần suất 2 và 4 lần, tương ứng tỷ lệ 0,47% và 0,94%. Tác giả Vũ Bằng có nhiều sáng tạo trong kiểu điệp cú pháp: điệp nguyên vẹn, điệp không nguyên vẹn (điệp chủ ngữ, điệp vị ngữ, điệp trạng ngữ, điệp đề ngữ, điệp định ngữ, điệp bổ ngữ); điệp kiểu câu cùng chủ thể, kiểu câu khác chủ thể. Phép điệp góp phần thể hiện thành công việc miêu tả cảnh quan thiên nhiên, các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của miền Bắc Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện tình yêu, nỗi nhớ thương quê hương, đất nước của tác giả.

Từ khóa: *Phép điệp, Vũ Bằng, Việt Nam, văn học, Thương nhớ mười hai.*

1. MỞ ĐẦU

Vũ Bằng (1913 -1984), tên thật là Vũ Đăng Bằng. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình Nho học, có truyền thống khoa bảng nhiều đời ở miền đất Ngọc Cục, huyện Lương Ngọc (nay là Bình Giang), tỉnh Hải Dương. Cha mẹ ông làm nghề xuất bản, có nhà sách Quảng Thịnh ở phố Hàng Gai - Hà Nội. Tuổi trẻ của ông vì thế mà rất gắn bó với Hà Nội. Ông viết nhiều về mảnh đất này nhưng tác phẩm hay nhất viết về Hà Nội của ông lại là tác phẩm khi ông đã xa Hà Nội nhiều năm trời với cả ngàn cây số. Ông cũng viết nhiều thể loại, nhiều lĩnh vực khác nhau như tùy bút, bút ký, truyện ngắn, tiểu thuyết... Ở thể loại nào cũng có những thành công nhất định nhưng có lẽ, bạn đọc nhớ nhất ở ông thể loại ký.

“Văn hồi ký của ông là loại văn trữ tình, giàu chất thơ, hướng vào biểu hiện nội tâm, hướng về phong cảnh thiên nhiên bốn mùa xứ sở, các câu văn tràn đầy cảm xúc, cảm giác tinh tế. Cùng với “Miếng ngon Hà Nội” và “Bốn mươi năm nói láo”, “Thương nhớ mười hai”, đã góp phần định hình kiểu hồi ký trữ tình độc đáo. Có thể xem đây là đóng góp quan trọng của Vũ Bằng vào thể ký nói riêng và nền văn học hiện đại nói chung.”¹

Ai trong chúng ta cũng mang trong mình một hình bóng quê hương để nhớ, để tự hào. Nhưng có lẽ, tình cảm của những người con xa xứ thường chân thành và da diết hơn cả. Vũ Bằng, một nhà văn tài hoa, khi xa quê, cũng luôn đau đáu nhớ thương về xứ sở của mình nhưng không một lần được trở lại. Nỗi nhớ ấy theo

^{*}Tác giả liên hệ chính.

Email: nguyenthienhien@qnu.edu.vn

thời gian lớn dần và được gửi trọn trong tùy bút *Thương nhớ mười hai*. Và tác phẩm đã trở thành thiên tùy bút được rất nhiều người yêu quý, trân trọng. Tất cả những ai xa quê, nhớ quê đều có thể tìm thấy mình trong đó.

Hoàng Như Mai, trong lời giới thiệu cuốn *Thương nhớ mười hai*, đã viết: “Dù phải thích nghi với hoàn cảnh chính trị như thế nào đấy, cuốn sách vẫn bày tỏ tâm sự của một người con miền Bắc da diết nhớ quê hương ở bên kia “giới tuyến”. Chính tấm lòng ấy với ngòi bút tài hoa của Vũ Bằng đã làm nên giá trị văn chương cho tác phẩm này. Nó hấp dẫn chúng ta từng dòng, từng trang”.²

Thương nhớ mười hai được viết trong 12 năm (1960 - 1971) như một cuốn lịch ghi chép lại một cách chi tiết, tỉ mỉ và tinh tế mười hai tháng trong năm của Hà Nội “mười hai tháng của mười hai cuộc đổi thay tiết trời, mười hai sự rung động uyển chuyển của năm tháng, của chim muông, của sắc đẹp, của hoa lá, của thương yêu, tình tứ”.² Và, “mỗi tháng lại có những cái đẹp nào nùng riêng, những nỗi nhớ nhung riêng”.² Đó là những cảnh vật quen thuộc, ẩm thực, phong tục tập quán của người Bắc Việt. Đó là một Hà Nội cổ kính, nghiêm trang, đẹp đẽ với những giá trị văn hóa truyền thống đầy tự hào. Đó là cả tình yêu, nỗi nhớ của tác giả dành cho quê hương đất nước và luôn thấp thoáng trong đó hình ảnh người vợ dịu hiền.

Góp phần vào thành công của tác phẩm không thể không kể đến nghệ thuật sử dụng ngôn từ tinh tế và giàu cảm xúc của tác giả. Đinh Trọng Lạc, nhà phong cách học tiếng Việt, từng nói: “Cái làm nên sự kì diệu của ngôn ngữ chính là các phương tiện và biện pháp tu từ”.³ Quả đúng như vậy, trong các phương tiện và biện pháp tu từ được sử dụng ở *Thương nhớ mười hai*, phép điệp đã góp một phần không nhỏ trong việc thể hiện nội dung tác phẩm cũng như tư tưởng, tâm hồn nhà văn.

Việc tìm hiểu hiệu quả biểu đạt của phép điệp nói riêng và các phương tiện ngôn ngữ trong văn học nói chung cũng là việc làm cần thiết giúp hình thành kĩ năng lĩnh hội văn bản, góp phần đổi mới phương pháp đọc hiểu các văn bản văn xuôi

trong nhà trường phổ thông hiện nay, đồng thời làm giàu ngữ liệu cho quá trình dạy học. Ở bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát và đánh giá giá trị của phép điệp trong việc thể hiện nội dung tác phẩm *Thương nhớ mười hai*.

2. NỘI DUNG

2.1 Khái niệm và phân loại phép điệp

2.1.1. Khái niệm

Nghiên cứu về phép điệp nói riêng và các phép tu từ nói chung, các tác giả Đinh Trọng Lạc,³ Nguyễn Thái Hòa,⁴ Hữu Đạt,⁵ Cù Đình Tú⁶ ... căn cứ vào từng cấp độ ngôn ngữ, đều đưa ra những định nghĩa phù hợp.

Theo tác giả Đinh Trọng Lạc, điệp ngữ (còn gọi: lặp) là *lặp lại có ý thức những từ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh ý, mở rộng ý, gây ấn tượng mạnh hoặc gợi ra những xúc cảm trong lòng người đọc, người nghe*.³

Tác giả Hữu Đạt định nghĩa, *điệp từ là hình thức dùng đi dùng lại một từ nào đó với mục đích nhấn mạnh ý nghĩa nhằm tập trung sự chú ý của người đọc hoặc người nghe*.⁵

Ở đây, chúng tôi xin được định nghĩa phép điệp như sau:

Điệp là biện pháp tu từ lặp lại một yếu tố ngôn ngữ nào đó nhằm mục đích mở rộng hoặc nhấn mạnh ý nghĩa, gợi ra những cảm xúc thẩm mỹ trong lòng người đọc, người nghe.

Về tác dụng của phép điệp, nhà nghiên cứu Cù Đình Tú có nhận xét: “*Điệp từ ngữ phải đem đến cho người đọc những ý bổ sung mới có tính chất tăng tiến. Khi dùng điệp từ ngữ cũng như khi phân tích điệp từ ngữ cần luôn luôn ý thức rằng về hình thức thì điệp từ ngữ là sự lặp lại nhưng về nội dung thì nó là sự nhấn mạnh ý, mở rộng ý*”.⁶

2.1.2. Phân loại

Về các tiểu loại phép điệp, hiện nay có nhiều cách phân loại khác nhau nhưng tựu chung lại thì các tác giả tập trung ở một số cách:

* Dựa vào cấp độ ngôn ngữ có các loại điệp:

- + Cấp độ ngữ âm:
a- Điệp phụ âm đầu
b- Điệp vần
c- Điệp thanh
+ Cấp độ từ ngữ:
d- Điệp từ
e- Điệp ngữ
+ Cấp độ cú pháp:
f- Điệp cấu trúc cú pháp
- * Dựa vào vị trí của các yếu tố ngôn ngữ được lặp lại, chúng ta có các loại điệp:
- a. Điệp đầu câu
b. Điệp cuối câu
c. Điệp nối tiếp
d. Điệp cách quãng
e. Điệp vòng tròn
- * Dựa vào tính chất của phép điệp có:
- a. Điệp đơn giản
b. Điệp phức hợp

2.2. Phép điệp trong tác phẩm *Thương nhớ mười hai*

Qua việc khảo sát 293 trang của tác phẩm *Thương nhớ mười hai*, chúng tôi thấy phép điệp được sử dụng rất phong phú về số lượng và các tiểu loại nhưng tập trung ở điệp từ, điệp ngữ và điệp cú pháp, không có phép điệp thanh. Dựa vào cấp độ ngôn ngữ, chúng tôi thống kê và phân loại phép điệp trong tác phẩm *Thương nhớ mười hai* như bảng sau.

Bảng 1. Tiểu loại và số lượng các phép điệp trong tùy bút *Thương nhớ mười hai*.⁷

Ngữ âm			Từ vựng		Cú pháp
Điệp phụ âm đầu	Điệp vần	Điệp thanh	Điệp từ	Điệp ngữ	
2	4	0	174	64	180
Tổng cộng: 424					
Tỉ lệ					
0,47%	0,94%	0%	41,04%	15,1%	42,45%

2.2.1. Điệp phụ âm đầu

Điệp phụ âm đầu là biện pháp tu từ ngữ âm trong đó người ta cố ý tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng bằng cách lặp lại phụ âm đầu, nhằm mục đích tăng tính tạo hình và diễn cảm cho những câu thơ.³

Trong 424 phép điệp được nhà văn Vũ Bằng sử dụng thì điệp phụ âm đầu được sử dụng ít, chỉ 2 trường hợp, chiếm 0,47%. Tuy số lần xuất hiện không nhiều, nhưng hiệu quả nghệ thuật của phép điệp này cũng đáng ghi nhận. “*Kỳ lạ thay là cái Hương Sơn! Bây giờ, có những đêm nằm thao thức không ngủ được, chợt nhớ đến cái cảnh trập trùng non non, nước nước, mây mây đó, tôi cảm thấy quả là trong suốt một đời tôi chưa từng được gặp một sơn thanh thủy tú nào như thế*”.²

2.2.2. Điệp vần

Là biện pháp tu từ ngữ âm, trong đó người ta cố ý tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng bằng cách lặp lại những âm tiết có phần vần giống nhau, nhằm mục đích tăng sức biểu hiện, tăng nhạc tính của câu thơ.³

Từ xưa đến nay, mảnh đất kinh kỳ Hà Nội luôn là nguồn cảm hứng bất tận của các thi nhân mặc khách. Bởi cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, không gian văn hóa giàu truyền thống mãi mãi là phần tâm hồn, tình cảm, là máu thịt không thể tách rời của người dân đất Việt khi hướng về miền Bắc thân yêu. Như nhà văn Thạch Lam trong *Hà Nội 36 phố phường* đã từng chia sẻ: “*Người Pháp có Paris, người Anh có Luân Đôn, người Tàu có Thượng Hải (...). Chúng ta cũng có Hà Nội, một thành phố có nhiều vẻ đẹp, vì Hà Nội đẹp nhất (chúng ta chỉ còn tìm những vẻ đẹp ấy ra), và cũng vì chúng ta yêu mến. Yêu mến Hà Nội với tâm hồn người Hà Nội*”.⁸ Khi viết *Thương nhớ mười hai* Vũ Bằng đã xa Hà Nội trên dưới 10 năm nhưng mọi vẻ đẹp về Hà Nội dường như còn in đậm trong tâm trí ông.

Vũ Bằng là một người con Hà Nội, hiểu Hà Nội, yêu sâu sắc Hà Nội và thương nhớ Hà Nội đến khôn nguôi. Thiên nhiên Hà Nội nói riêng và miền Bắc nói chung được tác giả miêu

tả tinh tế trong mười hai chương với nhiều bức tranh sinh động. Hà Nội có nhiều vẻ đẹp nhưng với phép điệp vần, chúng tôi tìm thấy vẻ đẹp buồn ở chương thứ 8, chương viết về mùa thu.

“Cái buồn mùa thu lê thê, cái buồn mùa thu tê mê, cái buồn mùa thu nã nề nhưng không day dứt đến mức làm cho người ta chán sống. Ấy là vì gió thu buồn nhưng trời thu lại đẹp, đẹp nhất là trăng thu, đẹp đến nỗi làm cho người ta buồn nhưng vẫn cứ muốn sống, để hưởng cái đẹp bàng bạc trong khắp trời cây mây nước nếu chết đi thì uổng quá”.²

Nói về vẻ đẹp buồn của mùa thu Hà Nội, của trăng thu Hà Nội, tác giả đã sử dụng tới ba phép điệp: điệp cấu trúc, điệp từ và điệp vần “ây”, vần “ê”. Cùng với ý nghĩa từ vựng của các từ láy: *lê thê, tê mê, nã nề, day dứt*, điệp vần đã góp phần miêu tả nỗi buồn mùa thu như ngày càng dài ra, rộng lớn hơn, bao trùm cả “trời cây mây nước”. Nỗi buồn, lúc đầu, dù có dài *lê thê* nhưng cũng chỉ ở bên ngoài, mang tính khách quan, sau đó thì bắt đầu xâm chiếm vào trong cơ thể làm cho con người mụ mẫm đi không còn một thứ tình cảm hay trạng thái nào khác (*tê mê*), dần dần nó sẽ ngấm sâu vào trong tâm hồn con người (*nã nề*) và cuối cùng là sự *day dứt* khôn nguôi (có sự chỉ đạo của lí trí); nỗi buồn trở đi trở lại, thường trực trong tâm hồn làm cho con người bứt rứt thậm chí đau khổ triền miên.

Điệp phụ âm đầu và điệp vần thường xuất hiện trong thơ. Tuy nhiên trong *Thương nhớ mười hai*, ta vẫn thấy xuất hiện hai loại điệp này, dù không nhiều nhưng chúng cũng góp phần làm cho văn xuôi Vũ Bằng mang đậm chất thơ.

2.2.3. Điệp từ

Là hình thức dùng đi dùng lại một từ nào đó với mục đích nhấn mạnh ý nghĩa nhằm tập trung sự chú ý của người đọc hoặc người nghe.⁵

Là kiểu điệp được nhà văn ưu ái sử dụng, điệp từ xuất hiện nhiều trong thiên tùy bút và đem lại nhiều giá trị biểu cảm cho tác phẩm. Điệp từ được Vũ Bằng sử dụng 174 lần, chiếm 41,04%, đứng thứ hai sau điệp cấu trúc cú pháp.

Trong 424 phép điệp mà chúng tôi khảo sát, các từ được sử dụng với tần suất cao là: *nhớ* (146 lượt), *ăn* (65 lượt), *yêu* (49 lượt), *mưa* 47 (lượt), *bao nhiêu* (42 lượt), *thương* (31 lượt), *đẹp* (34 lượt) ... Trong đó, từ “*nhớ*” được tác giả sử dụng rất linh hoạt ở hầu khắp tác phẩm với nhiều hàm nghĩa khác nhau. Điệp từ xuất hiện đều trong cả tùy bút, nhưng nhiều nhất là trong chương “*Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt*” với nhiều cảm xúc miên man, khó tả.

Bên cạnh vẻ đẹp thiên nhiên, khi nói đến văn hóa vật chất của người miền Bắc, không thể không nói đến các món ăn, đặc biệt là phở và canh cua đồng, những món ngon khó có thể quên được. “*Bây giờ, người xa cách Bắc Việt lâu ngày cũng vậy: Ăn một tô hủ tiếu thì **nhớ** đến phở Bắc “chính cống” ăn vào buổi sáng rét căm căm; trông thấy cua bể thì **nhớ** đến bát canh cua đồng nấu với rau rút và khoai sọ; gặp một ngày bão rớt thì lòng lại buồn rười rượi, **nhớ** đến thu sơ, gió mát, hoa vàng...*”²

Nhớ về quê hương xứ sở không phải là nhớ về những gì cao sang, lộng lẫy mà người con tha hương này luôn nhớ về những gì quen thuộc, mộc mạc, đời thường nhất như quả cà Nghệ hay cà bát dầm tương, chén nước vối, củ khoai lùi, vài hạt ngô rang và trên hết là nhớ cái tình người, nhớ bà con lối xóm, nhớ người vợ tào khang ở quê nhà. Nỗi nhớ nhưng khôn xiết ấy lại một lần nữa được thể hiện thành công qua phép điệp từ “*nhớ*”. “*Hỡi ôi cái lòng thương **nhớ** của người ta: nhiều chẳng ra cái “chết” gì mà làm cho mình **nhớ** quá. Nhưng **nhớ** đến quả cà Nghệ hay cà bát dầm tương ăn đúng vào lúc hè, có phải đâu là chỉ **nhớ** cà mà thôi, mà chính **nhớ** đến người vợ tào khang, từ thuở bé đã được mẹ dạy cho cách làm tương cà mắm muối, lớn lên chỉ sợ không muối dưa cà được bằng chị bằng em - vì vẫn nghe thấy nói rằng muốn biết tài bếp núc của các bà các cô chỉ xem mắm muối tương cà, thừa đủ!”*”²

“***Nhớ** không biết chừng nào là **nhớ**, **nhớ** sao **nhớ** quá thế này! Thì ra cái người **nhớ** Hà Nội, **nhớ** Bắc Việt cũng như thể là chàng trai **nhớ** gái; bất cứ thấy ai cũng tưởng ngay đến*

người thương của mình và đem ra so sánh thì bao nhiêu người đẹp ở trước mắt đều kém người thương mình hết”.²

Xa cách quê hương lâu rồi nên nỗi nhớ quê luôn thường trực, day dứt trong trái tim ông, đứng chỗ nào cũng thấy “nhớ sao nhớ quá thế này”.² “Đó là cái buồn nhớ đặc thù thuở đất nước chia cắt Nam Bắc (...) văn của ông là một nỗi nhớ. Ở Sài Gòn những năm ấy, nhìn về Hà Nội cố hương, ông có nỗi lòng của một kẻ ra đi không hạn định. Nhớ đốt ruột đốt gan nhưng hi vọng ngày về lại quá mong manh”.⁹

2.2.4. Điệp ngữ

Là hiện tượng một tổ hợp từ hay một kết cấu nào đó được lặp đi lặp lại với mục đích nhất định.⁵

Sống giữa Sài Gòn phồn hoa đô hội, Vũ Bằng vẫn không thôi nhớ về một miền thương yêu cũ. Để rồi lúc nào nỗi nhớ ấy cũng canh cánh, nặng trĩu trong lòng ông. Cảnh vật, con người nơi Sài thành nhộn nhịp luôn gợi cho ông những kỉ niệm đẹp về một Bắc Việt thân thương, nơi đã nuôi dưỡng tâm hồn ông ngọt ngào mấy mươi năm.

“Ở miền Nam nước Việt, sang tháng hai ta có không biết bao nhiêu thứ trái cây: nào mận, nào xoài, nào cam, nào quýt, nào vú sữa... **thứ nào cũng ngon, thứ nào cũng quý**, nhưng tại sao tôi vẫn cứ mơ ước những trái đào Thỏ ở Cao Bằng, Lao Cai, Sa Pa hay ở biên thùy giáp Vân Nam, nhìn sang ngọn Tây Phàn?”. “Người lữ khách ngày nay, xa cách quê hương, thấy tháng Hai trở về, cũng động lòng nhớ tiếc **không biết bao nhiêu** khuôn mặt, **không biết bao nhiêu** miếng ăn ngon, **không biết bao nhiêu** tình thương yêu đã mất”.² Các phép điệp ngữ ở hai ví dụ này một lần nữa khẳng định nỗi nhớ về quê hương của ông là không thể đong đếm. Đối với ông, tất cả mọi thứ của quê hương đều ngon, đều đẹp, đều đáng được trân trọng. Xa quê, Vũ Bằng dành nhiều tình cảm cho những phong tục tập quán ở quê hương, đặc biệt là những phong tục trong ngày Tết, Tết Đoan Ngọ, Tết giết sâu bọ là một ví dụ.

- “Mình muốn tiến luôn, nhưng bảo mình bỏ **tết Đoan Ngọ** vì nó hủ lậu, không hợp thời, nhất định mình không chịu. Có khi chính vì thế mà mình lại yêu tháng Năm hơn nữa cũng nên bởi vì tháng Năm có **tết Đoan Ngọ**...mà nhớ đến **tết Đoan Ngọ** là nhớ đến bao nhiêu phong tục của nước ta đã tạo nên một nền văn hóa oai hùng mà bao nhiêu ngoại nhân muốn cắt ngọn đều tỏ ra bất lực”.²

- “Ấy thế mà tôi đổ ại thuyết phục nỗi nhà quê cũng như thành thị đến ngày mừng năm cũ cấm đầu làm việc, không ăn **tết Đoan Ngọ** đấy. **Không bao giờ, không bao giờ**”.²

Cụm từ “không bao giờ” được tách thành một câu riêng, câu đặc biệt (vốn đã có tác dụng tu từ gây ấn tượng mạnh với bạn đọc), lại thêm việc được nhắc lại tới hai lần càng có tác dụng gây chú ý và tác động đến không chỉ tâm tư tình cảm mà cả ý chí của người đọc, làm cho họ thêm yêu, thêm nhớ đến truyền thống ăn Tết Đoan Ngọ từ lâu đời của người Việt Nam. Đồng thời nó góp phần thể hiện rõ thái độ của tác giả đối với những giá trị văn hóa này. Đó là thái độ trân trọng và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc.

2.2.5. Điệp cú pháp

Lặp cú pháp với tính cách là một biện pháp tu từ là kiểu lặp do người viết (hay nói) cố tình dùng đi dùng lại một mô hình hay một thành phần cú pháp nào đó với mục đích nhấn mạnh sự chú ý đến đối tượng miêu tả.⁵

Quá trình khảo sát phép điệp trong tác phẩm *Thương nhớ mười hai*, ngoài những câu được điệp lại nguyên vẹn tất cả các từ và những câu điệp lại kiểu câu mà từ ngữ có sự thay đổi ít nhiều, chúng tôi nhận thấy, Vũ Bằng còn có những câu rất dài, ngoài hai thành phần nòng cốt, những câu này thường có nhiều thành phần phụ, các thành phần phụ cũng có dung lượng khá lớn và đôi khi được lặp đi lặp lại nhiều lần với sự giống nhau về cấu trúc, được ngăn cách với nhau bởi dấu chấm phẩy (;) hoặc dấu phẩy (,). Những câu có sự lặp lại cấu trúc của một bộ phận câu và tạo ra giá trị tu từ như vậy, theo quan niệm của các tác giả Đinh Trọng Lạc,³ Hữu Đạt,⁵ chúng tôi cũng sẽ xếp chúng vào loại điệp cú pháp.

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi thấy điệp cú pháp là biện pháp nghệ thuật được nhà văn Vũ Bằng sử dụng nhiều nhất trong thiên tùy bút này, 180 lần (chiếm 42,45%). Đây là loại điệp giúp bổ sung thêm được nhiều ý nhất, chỉ một câu nhưng nhờ có phép điệp, Vũ Bằng có những câu vốn đã dài giờ lại dài thêm. Câu văn của Vũ Bằng rất dài nhưng nhờ có điệp mà không dài dòng lồi thối ngược lại vẫn nhịp nhàng, cân đối, dễ nhớ vì sự gây ấn tượng mạnh của nó. Phép điệp cú pháp góp phần đưa các câu văn của Vũ Bằng vượt khỏi khuôn mẫu chủ vị thông thường, đem đến cho độc giả những sáng tạo bất ngờ thú vị.

Qua quá trình khảo sát, chúng tôi thấy, ở tiểu loại này, Vũ Bằng đã sử dụng nhiều kiểu cấu trúc dùng động từ chỉ trạng thái tâm lí, hành động của con người (nhớ, thương, yêu, mộng...) cộng với các động từ chỉ hướng (lên, xuống, ra, vào, đi, lại) hoặc từ chỉ vị thứ (nhất) để nhấn mạnh thêm thông tin hoặc khẳng định tình cảm của mình:

- 1- “Nhớ từ (từng)...nhớ đi, nhớ từ...nhớ lại, nhớ từ...nhớ lên, nhớ từ...nhớ xuống
- 2- Thương mến từ...thương mến lên..., yêu mến từ... yêu mến xuống...”.
3. Mộng từ A mộng đi, mộng từ B mộng lại...
4. Yêu từ A mà yêu xuống, yêu từ B mà yêu sang...
5. Tôi yêu...tôi yêu...yêu nhất... thương nhất... mê nhất... tài nhất...
6. Ấy là vì ... mà ... Ấy là vì ... mà ...

Sau đây, phép điệp cú pháp được chia thành hai kiểu: điệp nguyên vẹn và điệp không nguyên vẹn. Tuy nhiên, cách chia này chỉ là tương đối bởi phần lớn các ví dụ của Vũ Bằng đều có hơn một phép điệp, hơn một kiểu điệp.

2.2.5.1. Điệp nguyên vẹn

Về kiểu điệp nguyên vẹn, chúng tôi thấy Vũ Bằng có hai cách điệp: điệp với những câu có cùng một chủ thể (hoặc chủ thể bị tỉnh lược, ẩn giấu đi) và những câu có chủ thể khác nhau.

Trước hết xin nói về phép điệp với những câu cùng chủ thể hoặc chủ thể bị tỉnh lược. Trong mười hai chương của tùy bút, chương nào cũng hay, cũng sắc sảo nhưng chương viết về mùa thu để lại nhiều ấn tượng hơn cả. Trăng thu xưa nay đã đẹp, đã lãng mạn, đã đi vào không biết bao nhiêu tác phẩm thi ca nhưng trăng trong *Thương nhớ mười hai* vẫn có nét đẹp riêng, trong sáng, sinh động: “Trăng sáng quá, em ơi, cứ đi như thế này, cả đêm không biết chán. Trăng dài trên đường thom thom; trăng cài trên tóc ngoan ngoan của những khóm tre xào xạc; trăng thom môi mời đón của dòng sông chảy êm đềm; trăng ôm lấy những bộ ngực xanh của những trái đồi ban đêm ngào ngạt mùi sim chín...trăng ơi, sao trăng khéo đa tình, cứ đi hoài theo chân cô gái tuyết trinh và lên cả vào phòng the của người có phụ lay động lá màn chích ảnh?”.²

Bốn câu được lặp lại cùng một cấu trúc, nhưng câu sau dài hơn câu trước, những bộ phận bổ ngữ của câu cứ được mở rộng ra mãi làm cho nhịp điệu của câu văn được lặp lại nhưng không nguyên vẹn mà như trải dài theo ánh trăng, đi vào lòng người. Tác giả như muốn huy động thật nhiều từ ngữ hay nhất, đẹp nhất để diễn tả cho hết mọi vẻ đẹp của ánh trăng. Trăng trong con mắt Vũ Bằng không còn đơn thuần là một hiện tượng thiên nhiên kỳ thú mà hơn thế, trăng còn là người tình của thiên nhiên êm đềm tha thướt và là nhân vật trữ tình trong văn chương của chính tác giả. Ngoài biện pháp điệp cú pháp, dường như khung cảnh thơ mộng, êm đềm, ngọt ngào của ánh trăng còn được thể hiện bởi các hình ảnh nhân hóa và năm từ láy (*thom thom, ngoan ngoan, êm đềm, ngào ngạt, xào xạc*) được trải đều ở năm câu. Các dấu chấm phẩy (;) cũng là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Nó góp phần làm ý văn đi liền mạch hơn, dạt dào cảm xúc hơn. Nếu chất thơ của văn xuôi được thể hiện ở “những cảm xúc chất chứa, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu” (1) thì lời văn trong ví dụ này nói riêng và trong tùy bút *Thương nhớ mười hai* nói chung đã tỏa sáng một chất thơ dịu nhẹ và thanh khiết

như thế. Trong các phương tiện và biện pháp tu từ thì có lẽ điệp là một trong số những biện pháp góp phần mạnh mẽ trong việc tạo nhịp điệu cho cách diễn đạt.

Trong *Thương nhớ mười hai*, cùng với việc làm sống dậy một thiên nhiên tươi đẹp của miền Bắc, tác phẩm còn “kể lại” bao tập tục, tín ngưỡng, quan niệm cổ truyền của người Việt và đặc biệt là hình ảnh ngày Tết Nguyên Đán đầy ấm áp nơi vùng quê Bắc Bộ. Đối với mỗi con người Việt Nam, ngày Tết là thời khắc thiêng liêng, quan trọng, thường gợi dậy trong lòng mỗi người những khát khao sum họp trong mái ấm gia đình. Xuân quê nhà thường đem đến cho mọi người cảm giác ấm áp, bình yên, hạnh phúc sau một năm dài làm lụng vất vả. Dù đi đâu, làm gì, thì đến tết, người Việt vẫn muốn trở về ăn tết cùng gia đình. Là người sống xa quê, Vũ Bằng càng thấu hiểu tâm trạng của những người xa xứ khi Tết đến nên những gì ông viết về họ đều rất chân thật, xúc động. “*Về quê ăn Tết, đối với tất cả người dân Việt Nam, tức là trở về với cội nguồn để cảm thông với ông bà tổ tiên, với anh em họ hàng, với đồng bào thôn xóm; về quê ăn Tết tức là để tỏ cái tình thân lạc quan ra chung quanh mình, tỏ tình yêu thương cởi mở và biểu dương những tinh thần, những kỉ niệm thấm thiết vì lâu ngày mà quên đi mất*”.²

Bên cạnh việc điệp các câu có cùng chủ thể, trong tác phẩm *Thương nhớ mười hai*, nhiều lần nhà văn sử dụng phép điệp cho những câu không có chủ thể: “*Nhớ từ cánh đồng lúa con gái mon morn nhớ đi; nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sáu rụng đầu đường hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt cả bầu trời mà nhớ lên; nhớ nhãn Hưng Yên, vài Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phước, cam Bồ Hạ, đào Sa Pa mà nhớ xuống*”. “*Nhớ từ những cơn mưa bay riều riều cùng vợ đi nhón nha ven hồ Bảy Mẫu nhớ đi, nhớ những đêm trèo lên những ngon đồi trên đường về Pháp Vân hái một trái cam vừa ăn vừa nghe tiếng trống chèo ở xa xa vọng về mà nhớ lại*”.²

Mô hình của kiểu câu trong đoạn này là: động từ “*nhớ*” cộng các từ chỉ vị trí “*đi*”, “*lại*”, “*lên*”, “*xuống*” ... Nhờ vậy mà không gian của nỗi nhớ dường như ngày càng mở rộng, phủ khắp mọi nơi, từ đồng bằng lên tận miền núi. Cũng nhờ vậy, các sản vật, khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp của miền Bắc hiện lên sinh động, ấn tượng hơn. Nỗi nhớ thương quá khứ bình yên, với bao kỉ niệm, bao hình ảnh tươi đẹp của Bắc Việt ở những câu như vậy, dường như không chỉ chảy trong lòng tác giả mà cùng chảy trong lòng bạn đọc, nhất là những người có chung hoàn cảnh tha hương như Vũ Bằng. “*Đó có thể xem là những “thủ thuật” lôi kéo độc giả nhập vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm để có cùng tiếng nói, cùng một nhịp con tim, cùng dòng cảm xúc với người kể, để rồi thời gian xa xăm, không gian xa ngái được kéo ngược trở về, ranh giới giữa thực tại và hoài niệm được xóa nhòa*”.¹⁰

Vũ Bằng có nhiều sáng tạo trong cách điệp kiểu câu. Song song với việc điệp lại các câu có cùng chủ thể hoặc chủ thể không xác định theo cách điệp cấu trúc cú pháp truyền thống, trong tác phẩm *Thương nhớ mười hai*, nhiều lần nhà văn sử dụng phép điệp cho những câu không cùng chủ thể, chỉ cần một kiểu câu, với vài “nhân tự”, Vũ Bằng vẫn có thể tạo ra một đoạn văn đầy màu sắc, đầy sáng tạo bất ngờ.

Nói về mùa xuân thì có lẽ không có từ ngữ nào có thể diễn tả hết được không khí, dáng vẻ, cảm xúc của cả đất trời và con người. Và nhà văn của chúng ta cũng vậy, ông say sưa ngắm nhìn và khao khát yêu thương mùa xuân cực kì mãnh liệt. “*Ồi ơi người em gái xõa tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rức nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải vì đây là mùa xanh nên hy vọng được trở về bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc ca bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày trở lại?*”.² Cấu trúc được lặp lại ở

đây là: A yêu mùa xuân có phải vì.../phải chăng là...? Với ba câu hỏi tu từ được lặp lại liên tiếp nhưng cũng không lặp lại nguyên vẹn, câu sau luôn dài hơn câu trước, cộng với phép nhân hóa và ẩn dụ bổ sung đi kèm, tháng Giêng trong văn Vũ Bằng hiện lên thật sinh động, đẹp đẽ, cây cối mơn mớn, tràn đầy nhựa sống, đồi núi sông hồ rung động, chuyển mình cùng sự phát triển của đất trời. Và đặc biệt, con người, dù cuộc đời có xô đẩy họ đi đâu làm gì đi nữa thì họ vẫn luôn nhớ về quê hương nguồn cội của mình với những người mà mình yêu thương. Hơn thế, các phép tu từ ở đây còn góp phần tạo nên giọng điệu tâm tình, tha thiết ngọt ngào của người con xa xứ nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Cũng nhờ sự kết hợp khéo léo này mà những câu văn của Vũ Bằng luôn biến hóa, mềm mại, uyển chuyển và giàu khả năng gợi hình, gợi cảm.

Nhớ về tháng Giêng không chỉ nhớ về cỏ cây mùa xuân mà nhà văn còn nhắc nhớ về nhiều tập tục truyền thống thú vị khác được người dân lưu giữ. “Không, vào tháng Giêng, người Bắc Việt ít có giải trí nghèo nàn trong rạp hát, nhà xi nê hay tiệm nháy: một bà nói chuyện mới đi chùa Trầm về, xin được một cây xâm “thương thương”; một cô khác trình trong đưa biếu người chị em thân một gói quà Thiết Quan Âm của ông bác vừa ở Trùng Khánh về ăn Tết; một bà khác nữa giờ hộp trà ra, vừa nhai, vừa cuốn theo lối “sâu kèn” những miếng thuốc lá ta ướp hoa ngâu”.² Phép điệp cấu trúc được nhà văn khéo léo sử dụng để thể hiện những lời dạy dỗ chân tình, tự nhiên của ông cha ta về tục đi chùa lễ Phật cầu bình an, may mắn cho mọi người. Kiểu điệp cấu trúc cú pháp mà ở đây các câu được lặp lại không cùng một chủ thể giúp cho nhà văn có thể chuyển tải đến bạn đọc nhiều hình ảnh, nhiều kỉ niệm hơn, lời văn vì thế cũng sinh động hơn.

Nghệ thuật sử dụng phép điệp của Vũ Bằng rất tài tình. Ông luôn đưa người đọc đi từ sáng tạo này đến sáng tạo khác. Chỉ một đoạn văn ngắn, ông thường sử dụng tới 2-3 phép điệp, có khi là điệp vần đi với điệp ngữ, điệp ngữ đi với điệp từ, có khi tới ba, hai, ba kiểu điệp cú pháp đi liền nhau. Để gợi lại nét văn hóa đẹp đẽ

“lời chào cao hơn mâm cỗ” của người Việt Nam, Vũ Bằng đã sử dụng tới bốn lần điệp trong một đoạn văn ngắn: “Người Việt Nam chỉ cần có một điều là yêu thương mọi người và không muốn cho ai ghét như bệnh dịch. Một lời chào hỏi đậm đà; một miếng cười niềm nở; một bữa cơm thanh đạm dọn vội vàng để mời người khách phương xa ăn đỡ lòng; quý hoá biết bao nhiêu, tình tứ biết bao nhiêu, thương cảm biết bao nhiêu, cần gì phải mâm cao cỗ đầy, cần gì phải rượu ngoại quốc ngon, chiếu dài viên đẹp, cần gì phải theo rằm rập nghi lễ già đời, đen bảo là trắng, xấu bảo là tốt, dở bảo là ngon”.²

Và có lẽ cũng chỉ có ông mới có thể sử dụng đến 8 cụm tiểu cú đi liền nhau như thế này mà các câu văn vẫn liền mạch, trôi chảy, cân xứng. Sự cân xứng, hài hòa, nhịp nhàng của đoạn văn còn được thể hiện ở các phép điệp bộ phận trong câu thứ nhất và kết cấu đối xứng của 5 thành ngữ bốn chữ trải đều trong cả đoạn. “Ấy là những người chết mà không siêu thoát, chết mà vẫn nuối tiếc cái gì, chết mà không nhắm mắt, vì còn ân hận. Ấy là những người trước đây lắm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; ấy là những kẻ màn lan trường huệ gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che thân; ấy là những kẻ lâu đài phượng các không còn ai bát nước nén nhang; ấy là những kẻ vào sông ra bể, đem thân chôn giấu vào lòng kinh nghê; ấy là những kẻ mắc đoàn tù rạc, gửi mình vào chiếu xác một manh; ấy là những kẻ chìm sông lạc suối, những người gieo giếng, thắt dây; ấy là những đứa trẻ lối giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tám bé, không có ai bông bế”.² Nhiều phép điệp, nhiều hình ảnh, từ ngữ được điệp lại trong một ngữ cảnh là thói quen làm nên “thương hiệu” Vũ Bằng, làm cho ông không bị trộn lẫn với những tác giả cũng chuyên viết câu dài, câu hay như Băng Sơn như Nguyễn Tuân.

Bản chất của phép điệp là từ ngữ được nhắc lại nhưng không lặp lại nguyên vẹn về ngữ nghĩa. Thông tin luôn được mở rộng hơn, nhấn mạnh hơn. Điều này xảy ra với hầu hết các phép điệp. Tuy nhiên, đôi khi Vũ Bằng lại tỏ ra xuất sắc hơn trong việc đem đến những điều mới lạ về

ngữ nghĩa của những từ ngữ được điệp lại. Cái tài tình trong phép điệp của Vũ Bằng chính là sự biến hóa trong cách sắp xếp các từ ngữ được lặp lại, rất linh hoạt, khéo léo, vượt ra ngoài khuôn phép thông thường. Cũng những từ ấy, chữ ấy nhưng khi được đặt ở những vị trí khác nhau, chúng lại có những vai trò khác nhau, thông tin hoàn toàn mới. “Mỗi một năm, gió mùa thu, lòng mẹ lo (1). Gió mùa thu, mỗi năm, lá vàng bay (2). Các anh đi học trường, mỗi năm càng mỗi hay, đền công cha mẹ, không phụ áo mẹ may (3). Gió mùa thu, lá vàng bay, năm sau như năm trước (4). Nếu sự học của các anh cũng năm sau như năm trước thời công mẹ may áo cũng như gió mùa thu, lá vàng rụng bay” (5).²

Cụm từ “Năm sau như năm trước” ở câu (4) nói về quy luật của thời gian, của thiên nhiên nhưng cũng cụm từ đó ở câu thứ (5) lại nói về sự học không tiến bộ của các con. “Gió mùa thu, lá vàng bay” ở câu (1, 2, 4) nói về hiện tượng thiên nhiên thường xảy ra vào tháng tám hàng năm nhưng ở câu (5) cụm từ này được dùng để biểu thị nội dung: công lao của người mẹ bị đổ sông đổ biển, giống như lá vàng rụng xuống hết tác dụng cho cây, chẳng còn ý nghĩa cho đời.

Có thể nói câu văn của Vũ Bằng luôn luôn biến đổi linh hoạt và chính phép điệp đã góp phần làm cho những câu ấy ghi dấu ấn sâu sắc với bạn đọc. Đó là “những câu văn như có ma ám, từng dòng, từng dòng như bị một thế lực siêu nhiên vừa hành hạ, vừa chấp cánh cho tâm hồn, cho cõi lòng để bao nhiêu tài hoa biến thành niềm thương nhớ thấu trời thấu đất!”¹¹

2.2.5.2. Điệp không nguyên vẹn

a. Điệp thành phần chủ ngữ

So với các loại điệp bộ phận khác thì điệp chủ ngữ của câu được sử dụng ít hơn. Tuy nhiên, khi được dùng, nó lại phát huy giá trị tu từ to lớn của mình. Mặc dù đang sống giữa một Sài Gòn ồn ào, hoa lệ với biết bao nhiêu cô gái đẹp “Sài Gòn ơi, Sài Gòn có đêm hồng, Sài Gòn có những cô ca sĩ đeo một triệu rưỡi hột xoàn ở cổ...”¹² nhưng Vũ Bằng vẫn không nguôi nhớ về Hà Nội với

những kỉ niệm êm đềm, đẹp đẽ. Đó là một Hà Nội đầy lãng mạn, nên thơ với làn mưa xuân lất phất, “riêu riêu”. “Mùa xuân của tôi, mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng”.² Với giọng văn nhẹ nhàng mà da diết, tác giả đã đưa bạn đọc cùng mình quay về với những hồi ức đẹp. Với việc điệp lại ba cụm danh từ “Mùa xuân của tôi, mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội”, nhà văn muốn nhấn mạnh một mùa xuân đang rực cháy trong lòng những người con xa xứ. Hai câu với hai phép điệp chủ ngữ đã nói rõ tâm tư tình cảm của nhà văn: dù cách xa muôn trùng, dù thực tại có như thế nào chẳng nữa, ông vẫn một lòng hướng về Hà Nội, về quê hương yêu dấu của mình.

b. Điệp thành phần vị ngữ

“Người ta nhớ nhà, nhớ cửa, nhớ những nét mặt thương yêu, nhớ những con đường đã đi về năm trước, nhớ người bạn chiếu chăn dắt tay nhau đi trên những con đường vắng vẻ ngào ngạt mùi hoa xoan còn thơm mát hơn cả hoa cau, hoa bưởi”.²

Điệp vị ngữ của câu được Vũ Bằng ưu ái sử dụng khá phổ biến bởi vị trí vị ngữ dễ dàng giúp ông miêu tả cụ thể đặc điểm, trạng thái của các sự vật, hiện tượng trong tác phẩm. Ở ví dụ trên, rõ ràng nhờ phép điệp vị ngữ mà nỗi nhớ của tác giả được miêu tả cụ thể, phong phú hơn rất nhiều. Ông nhớ tất cả mọi thứ, từ nhà cửa, con đường vắng, hoa cau, hoa bưởi, hoa xoan... đến những người thân quen và đương nhiên không thể không nhớ đến người vợ hiền của mình.

c. Điệp thành phần đề ngữ

“Đề ngữ là yếu tố nêu lên đề tài của sự thể được nói đến trong câu, nhưng không phải là chủ ngữ, và đứng trước chủ ngữ”.¹² Câu có đề ngữ thường có một bộ phận nào đó được nhấn mạnh. Để sự việc được phong phú, thông tin được đầy đủ, Vũ Bằng không chỉ viết những câu có đề ngữ thông thường mà đôi khi ông còn điệp luôn cả thành phần phụ này ở ngay đầu câu.

“Thì ra mình trách vợ bận rộn về Tết ốm cả người, mà chính mình từ rằm tháng Chạp trở đi cũng bận rộn, vất vả y như vợ vậy. Cái việc mua giấy hồng điều rắc vàng để nhờ ông cả Nam viết câu đối để dán ở trước cửa và ngoài sân; cái việc mua trầm để đốt trên bàn thờ; cái việc đi chọn pháo Công Tường Cát để đốt đêm giao thừa và ba ngày Tết, nhất định mình không dám trách thì không được”.²

Ở ví dụ này, để nhấn mạnh đến những công việc tuy nhỏ nhưng lại rất quan trọng mà những người đàn ông trong gia đình phải làm trước ngày Tết, Vũ Bằng đã viết ba đề ngữ có cấu trúc giống nhau đặt trước cụm chủ vị nòng cốt. Đặc biệt, trước mỗi cụm động từ, tác giả sử dụng tới hai danh từ chỉ loại (*cái, việc*) thì những công việc này càng được nhấn mạnh hơn nữa. Đây thực chất là hiện tượng thừa từ nhưng là thừa từ có giá trị nghệ thuật. Qua đó để thấy được tác giả ý thức rất rõ tầm quan trọng của những việc làm này trước những ngày Tết cổ truyền của dân tộc. Tết ở Việt Nam, cả nhà, ai cũng bận rộn, nhất là những người vợ, người mẹ trong gia đình. Tết là ngày sum họp vui vẻ, hạnh phúc, để lại nhiều kỉ niệm trong cuộc đời mỗi người. Ai đi xa cũng nhớ Tết quê nhà. Vũ Bằng cũng vậy, tâm hồn đầy xúc cảm của ông chắc chắn có rất nhiều kỉ niệm về Tết ở Bắc Việt nên “bằng một cách tự nhiên nhất, ngòi bút của ông có sự ưu tiên cho lễ Tết thuộc không gian tổ ấm gia đình - nơi có bóng dáng của những người thân yêu ruột thịt và người vợ thân thương của mình”.¹³

Qua đó cho thấy dù có xa quê hương bao lâu đi chăng nữa thì những nét đẹp trong ngày Tết cổ truyền ở quê nhà vẫn luôn được nhà văn trân quý và gìn giữ. Nhờ vậy mà bạn đọc trẻ ngày nay hiểu thêm về phong tục tập quán của cha ông mình.

d. Điệp trạng ngữ của câu

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung cho nòng cốt câu những chi tiết như thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, tình thế, điều kiện, phương tiện, biện pháp, cách thức, nguyên nhân, mục đích.¹⁴

“Từ chùa Trong ra chùa Ngoài, từ đỉnh núi xuống doanh khồi, từ con chim mỏ kiến gõ mỏ vào cây kêu cốc cốc đến con vượn ru con như đọc kinh ở khe suối đầu ghềnh, anh cũng thấy đều như miệng cái đạo Phật rất màu mặc dù từ trước đến khi đó không hề tin tưởng nơi trời, Phật, anh cũng thấy cần phải cúi đầu trước khói nhang thắp lung linh khắp các bàn thờ, trong khắp các động và làm thăm khấn vái đức Phật từ bi cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong ta bà thế giới”.²

“Mùa thu ở Bắc cũng đến với người ta như thế. Bây giờ mỗi khi thấy trời trở gió, không gian bàng bạc một màu chì; mỗi khi thấy lá rụng ở các công viên những người đau ngực, bay lả xào trên mặt đất hanh hoa; mỗi khi thấy lá tre rụng vèo xuống các ao hồ nằm êm trong những lớp bèo ong bèo tấm, có ai biết rằng tôi nhớ lại những gì không?”²

Trạng ngữ là thành phần bổ sung thêm thông tin cho nòng cốt câu, được sử dụng phổ biến trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp vì vậy cũng dễ hiểu khi nó được nhà văn sử dụng như một biện pháp bổ sung thông tin về thời gian về địa điểm cho nỗi nhớ của mình, thông qua cách điệp lại nhiều lần trong một ngữ cảnh.

đ. Điệp định ngữ

Theo cách hiểu thông thường nhất thì định ngữ là thành phần giải thích, bổ sung ý nghĩa cho danh từ ở trong câu. Trong tùy bút của mình, Vũ Bằng không ít lần sử dụng kiểu điệp định ngữ nhằm mở rộng ý nghĩa cho danh từ, cụm danh từ đứng trước nó. Cũng nhờ đó mà ý nghĩa của câu được mở rộng ra nhiều, tâm tư nhà văn được thể hiện rõ ràng hơn.

“Ở Bắc Việt, tháng Ba có Tết Hàn thực kiêng dùng lửa, chỉ ăn rỗng đồ lạnh, ngoài ra lại còn biết bao nhiêu hội hè, mà hội hè nào cũng ý vị, mà cũng nên thơ, mà cũng hấp dẫn người ta như thế...”.²

e. Điệp bổ ngữ

Bổ ngữ là thành phần bổ sung ý nghĩa cho vị từ ở trong câu. Điệp bổ ngữ của câu là loại điệp xuất

hiện phổ biến trong *Thương nhớ mười hai*, nó không chỉ đem đến sự phong phú của các sự vật, hiện tượng mà còn góp phần miêu tả các sự vật hiện tượng đó một cách chi tiết, sinh động hơn.

Tập tục đi lễ chùa ở miền Bắc cũng được nhà văn khắc họa tự nhiên qua việc điệp các bộ ngữ của câu. “*Thương biết chừng nào những bà cu mắt kém còn cố dò dẫm đi vào chánh điện để cắm hương vào bát nhang cầu cho những con cháu ở xa xôi; những cô em gái khăn khứa cho những người anh đi “giết giặc” bây giờ còn sống hay đã chết; những tình nhân cầu xin phù trợ cho những tình nhân trôi nổi dạt dạt trôi cây chân trời góc bể*”.² Những khoảnh khắc thiêng liêng của những con người nghĩa tình đang khăn khứa, cầu nguyện cho người thân của mình được an yên, hạnh phúc dù họ đang ở nơi đâu được thể hiện qua ba cụm chủ vị làm bộ ngữ của câu.

Như trên đã nói, những động từ “thương”, “yêu” được tác giả ưu tiên sử dụng rất nhiều lần trong tác phẩm. Hơn thế, sau mỗi động từ này lại là những cụm từ rất dài bổ sung ý nghĩa cho chúng. Điều này làm cho các sự vật, hiện tượng được miêu tả cụ thể hơn, phong phú hơn. Qua đó góp phần thể hiện tình yêu quê hương Bắc Việt của Vũ Bằng ngày một sâu đậm hơn. Cho dù có dùng bao nhiêu từ ngữ cũng không thể kể hết nỗi lòng người con xa xứ, vì vậy nhiều lần ông phải thốt lên: *thương biết chừng nào, yêu biết bao nhiêu, nhớ quá, nhớ tất cả, yêu tất cả, yêu hết: “Tôi yêu hết và tôi nói là tôi yêu hết; yêu ngon cỏ gió đùa, mây trôi lãng đãng, ngon núi đồi sim, nhưa cây mạch đất, yêu con sâu cái kiến nằm co ro trong tổ bấy giờ trời lên tìm lá mới hoa non, yêu cô gái mặc quần lĩnh hoa chanh lại cài một cánh hoa hồng trên mái tóc, yêu con bướm đã tình bay lượn trên giàn hoa thiên lí, cài áo nhưng xanh nổi bật lên trong vườn quýt đỏ, cam vàng, trông mới lại càng yêu những giọt mưa bé tí tí đọng lại trên những mướt làm cho người đẹp óng a óng ánh như thiên thần trong mộng*”.² Và cuối cùng là “*Tôi yêu đất nước tôi ... tôi yêu người nước tôi ...*”.²

“*Viết về đề tài văn hóa và đặc biệt viết về Hà Nội không phải chỉ riêng có Vũ Bằng, nhưng mười hai bức tranh xứ Bắc mộng mơ và sinh động ấy đủ níu lòng những ai từng dành một góc tâm hồn mình cho quê hương đất nước. Thương nhớ mười hai - một áng văn chương độc đáo hấp dẫn chúng ta từng dòng từng trang và “ngay cả người đọc khó tính nhất cũng phải thừa nhận “Thương nhớ mười hai” là một tác phẩm thật sự đặc sắc trong nền văn học Việt Nam hiện đại*”.⁹

3. KẾT LUẬN

Phép điệp được sử dụng thường xuyên ở nhiều cấp độ ngôn ngữ, ở tất cả các chương, phần của tùy bút *Thương nhớ mười hai*: điệp phụ âm đầu, điệp vần, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp. Vũ Bằng có nhiều sáng tạo trong kiểu điệp cấu trúc cú pháp: điệp nguyên vẹn, điệp không nguyên vẹn (điệp chủ ngữ, điệp vị ngữ, điệp trạng ngữ, điệp đề ngữ, điệp định ngữ, điệp bổ ngữ), điệp kiểu câu cùng chủ thể, kiểu câu khác chủ thể. Phép điệp đã góp phần quan trọng trong việc thể hiện sự phong phú, sinh động các sự vật hiện tượng được nói đến trong tác phẩm, đồng thời đem lại giá trị biểu cảm và nhịp điệu cho câu văn của Vũ Bằng, giúp ông hình thành thói quen riêng trong việc viết câu: câu văn dài và cân đối, nhịp nhàng.

Phép điệp góp phần thể hiện thành công việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên, các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của miền Bắc qua con mắt Vũ Bằng. Qua đó, người đọc cũng thấy được một Hà Nội, một miền Bắc Việt Nam thật đẹp, thật giàu có về sản vật, về phong tục tập quán, thấy được tài năng sử dụng ngôn ngữ tài tình của tác giả. Phép điệp góp phần thể hiện tâm hồn nhạy cảm yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu quê hương tha thiết của Vũ Bằng. Mọi thứ có thể làm giả nhưng tình yêu với nơi chôn rau cắt rốn, với quê hương, xứ sở thì sẽ luôn thật. Phải là người có một tình yêu lớn, sâu sắc và chân thành mới có thể viết ra một áng văn dày dặn, độc đáo và chân thật về quê hương như vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi, Trần Hữu Tá, *Từ điển văn học (Bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.
2. Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, Ký, Tuyển tập VB, phần 1. Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2015.
3. Đinh Trọng Lạc. *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.
4. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa, *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1993.
5. Hữu Đạt. *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.
6. Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.
7. Thái Thị Hạnh. *Giá trị tu từ của phép điệp trong tác phẩm “Thương nhớ mười hai” của Vũ Bằng*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, Quy Nhơn, 2020.
8. Thạch Lam. *Hà Nội 36 phố phường*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2010.
9. Văn Giá. *Vũ Bằng - Bên trời thương nhớ*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000.
10. Chế Diễm Trâm. *Chất thơ trong lời văn Miếng ngon Hà Nội và Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng*, <https://xunauvn.org>, ngày đăng 15/05/2013, truy cập ngày 5/9/2010.
11. Triệu Xuân. *Vũ Bằng toàn tập*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2006.
12. Diệp Quang Ban. *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005.
13. Phan Cự Đệ (chủ biên). *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
14. Nguyễn Thị Thìn. *Câu tiếng Việt và nội dung dạy - học câu ở trường phổ thông*, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 2003.